

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN K  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Bản án số: 34/2022/HS-ST  
Ngày 07-7-2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Hoàng

*Các Hội thẩm N dân:*

Bà Phan Thị Minh Phương

Bà Khúc Thị Minh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 07/7/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 28/2022/TLST-HS ngày 07/6/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐXXST-HS ngày 16/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/HSST-QĐ ngày 28/6/2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn M, sinh ngày 15/5/1963 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số 9<sup>B</sup>, đường S, tổ dân phố Đ1, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: **Lớp** 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn G1, sinh năm 1930 (đã chết) và bà Bùi Thị N1, sinh năm 1930 (đã chết); có vợ là Phạm Thị T2, sinh năm 1968 và có 02 con, lớn sinh năm 1990, nhỏ sinh năm 1994; tiền sự: Không; tiền án: Tại bản án số 53/2020/HS-ST ngày 23/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng (chưa được xóa án tích); Nhân thân: Không có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/4/2022 đến ngày 08/4/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; có mặt.

2. Bùi Văn Đ, sinh ngày 24/3/1969 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: **Lớp** 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn H1, sinh năm 1944 và bà Vũ Thị K1, sinh năm 1946; có vợ thứ hai là Nguyễn Thị D1, sinh năm 1982 (chưa có con chung) và có 03 con với vợ thứ nhất, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền sự, tiền án: Không; Nhân thân: Đ bị xử phạt 1.000.000<sup>d</sup> (một triệu đồng) về hành vi "Đánh bạc" và 5.000.000<sup>d</sup> (năm triệu đồng) về hành vi "Dùng nhà, chỗ ở của mình chứa bạc" theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 545/QĐ-XPVPHC ngày 01/4/2020 của UBND huyện K, thành phố Hải Phòng, nộp phạt ngày 03/4/2020 (đã được xóa). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/4/2022 đến ngày 08/4/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; có mặt.

3. Bùi Văn P (tên gọi khác: Bùi Văn K), sinh ngày 17/9/1986 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: **Lớp** 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn S1, sinh năm 1960 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1967; có vợ là Ngô Thị T3, sinh năm 1989 và có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2014; tiền sự, tiền án: Không; Nhân thân: Kiểm bị xử phạt 1.500.000<sup>d</sup> (một triệu, năm trăm nghìn đồng) về hành vi "Đánh bạc" theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 31098/QĐ-XPVPHC ngày 03/12/2018 của UBND huyện K, thành phố Hải Phòng, nộp phạt ngày 27/5/2019 (đã được xóa). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/4/2022 đến ngày 08/4/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; có mặt.

4. Nguyễn Văn N, sinh ngày 05/6/1979 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: **Lớp** 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thế X, sinh năm 1957 và bà Đoàn Thị D2, sinh năm 1959; có vợ là Bùi Thị T4, sinh năm 1981 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền sự, tiền án: Không; N thân: Không có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/4/2022 đến ngày 08/4/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; có mặt.

5. Nguyễn Văn V (tên gọi khác: Nguyễn Văn P), sinh ngày 10/9/1982 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: **Lớp** 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V1, sinh năm 1960 và bà Vũ Thị B1, sinh năm 1960; có vợ là Bùi Thị H4, sinh năm 1985, và có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2010; tiền sự, tiền án: Không, Nhân **thân: Không có**; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 12/4/2022; có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 07/4/2022, do có mối quan hệ họ hàng với Nguyễn Văn M nên Bùi Văn Đ, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn V (tên gọi khác: Nguyễn Văn P) đến nơi thờ cúng của gia đình Nguyễn Văn M ở thôn P, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng ngồi uống nước, thấp nhang, ăn cơm. Sau đó, M, Đ, N, V thống nhất rủ nhau đánh bạc bằng hình thức đánh phỏm được thua bằng tiền và lấy bộ bài tú lơ khơ có sẵn tại nơi thờ cúng và quy ước số tiền người thua phải trả cho người được từ 50.000 đồng, 100.000 đồng, 150.000 đồng tương ứng số tiền người về thứ hai, thứ ba, thứ tư phải trả cho người về nhất; người nào “cháy” phải trả cho người về nhất 200.000 đồng, người nào “ù” thì ba người còn lại mỗi người phải trả cho người “ù” 400.000 đồng trong mỗi ván bài. Đến khoảng 14 giờ 00 phút cùng ngày, P sang chơi thấy M, Đ, N, V đang đánh bạc nên ngồi xem. Sau đó, V thua hết tiền nên đi về, P thay thế V tiếp tục tham gia đánh bạc với M, Đ, N. Trong khi đánh bạc, không bố trí người canh gác hay cầm đồ tài sản, không phải nộp tiền hồ. Đến 15 giờ 30 phút cùng ngày bị Công an huyện K phát hiện, bắt quả tang và thu giữ vật chứng gồm: 01 bộ bài tú lơ khơ và số tiền 9.750.000 đồng tại chiếu bạc. Ngày 12/4/2022, V đến Công an huyện K đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu.

Tại Bản cáo trạng số: 26/CT-VKSKT ngày 06/6/2022 của Viện kiểm sát N dân huyện K đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn M, Bùi Văn Đ, Bùi Văn P, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn V đều về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thống nhất khai nhận tội: Do có quan hệ họ hàng, quen biết với Nguyễn Văn M, khoảng 11 giờ 00 phút ngày 07/4/2022, Đ, N, V đến nơi thờ cúng của gia đình M thấp hương, ăn cơm. Sau đó, các đối tượng cùng rủ nhau đánh bạc bằng hình thức đánh phỏm được thua bằng tiền và lấy bộ bài tú lơ khơ có sẵn tại nơi thờ cúng để đánh bạc. Đến khoảng 14 giờ 00 phút cùng ngày thì P sang chơi, ngồi xem đến khi V bị thua hết tiền bỏ về, P thay V tiếp tục tham gia đánh bạc. M dùng 2.400.000 đồng đánh bạc, thua 1.000.000 đồng; Đ dùng 3.400.000 đồng đánh bạc, thắng 1.250.000 đồng; N dùng 1.950.000 đồng đánh bạc, thắng 50.000 đồng; P dùng 1.500.000 đồng đánh bạc, thắng 200.000 đồng; V dùng 500.000 đồng đánh bạc, thua hết. Trong khi đánh bạc không phải nộp tiền hồ, không bố trí người canh gác hay cầm đồ tài sản. Đến 15 giờ 30 phút cùng ngày bị bắt giữ cùng vật chứng.

Sau quá trình thẩm vấn, đánh giá tính chất của vụ án cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò và đặc điểm N thân của các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt, xử lý vật chứng:

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 38; Điều 55, khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Văn M từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Buộc bị cáo phải chấp hành 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo của Bản án số 53/2020/HS-ST ngày 23/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định. Tổng hợp hình phạt chung của hai bản án từ 15 tháng đến 18 tháng tù. Trừ cho bị cáo 01 ngày bị tạm giữ (từ ngày 07/4/2022 đến ngày 08/4/2022). Phạt tiền bị cáo từ 10 triệu đồng đến 15 triệu đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo: Bùi Văn Đ từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo:

+ Nguyễn Văn N từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

+ Bùi Văn P (tên gọi khác Bùi Văn K) từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

Trừ cho mỗi bị cáo 01 ngày bị tạm giữ (từ ngày 07/4/2022 đến ngày 08/4/2022) bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thu nhập hàng tháng của mỗi bị cáo từ 5% đến 10% để sung quỹ Nhà nước.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 35 Bộ luật Hình sự; Phạt tiền: Nguyễn Văn V (tên gọi khác: Nguyễn Văn P) từ 20.000.000<sup>d</sup> (hai mươi triệu đồng) đến 25.000.000<sup>d</sup> (hai mươi lăm triệu đồng) về tội “Đánh bạc”.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu số tiền 9.750.000 đồng của các bị cáo dùng vào đánh bạc để sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ bài **trú** lơ khơ.

Sau khi đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội, các bị cáo đều thành khẩn khai nhận tội và tỏ ra ăn năn hối cải. Các bị cáo đều xin giảm nhẹ hình phạt.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên; Viện kiểm sát N dân huyện K, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh, điều luật áp dụng: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, sơ đồ hiện trường, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 07/4/2022, tại nơi thờ cúng của gia đình bị cáo Nguyễn Văn M ở thôn P, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng, các bị cáo Nguyễn Văn M, Bùi Văn Đ, Bùi Văn P, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn N đã có hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh phỏm, được thua bằng tiền với tổng số tiền 9.750.000 đồng bị Công an huyện K phát hiện, bắt quả tang cùng toàn bộ vật chứng. Như vậy, hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn M, Bùi Văn Đ, Bùi Văn P, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn N đã thỏa mãn cấu thành đồng phạm tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá về tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng, gây dư luận xấu trong nhân dân. **Đồng thời** là điều kiện, **nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác, nên** cần xử lý nghiêm đối với các bị cáo, đồng thời để phòng ngừa tội phạm.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xét vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân của các bị cáo trong vụ án: Trong vụ án này, các bị cáo đều thống nhất rủ nhau cùng đánh bạc được thua bằng tiền. Bị cáo M đã sử dụng địa điểm là nơi thờ cúng của gia đình, chuẩn bị bộ bài tú lơ khơ để cả nhóm đánh bạc, dùng số tiền 2.400.000 đồng đánh bạc, bị cáo đang chấp hành hình phạt 09 tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng" nhưng cho hưởng án treo theo Bản án số 53/2020/HS-ST ngày 23/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định (chưa được xóa án tích) lại phạm tội mới trong thời



gian thử thách, được xác định là "Tái phạm" là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Nên M phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn các bị cáo khác trong vụ án. Cần xử phạt nghiêm đối với bị cáo. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo phạm tội lần này thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4.1] Các bị cáo Đ, P tham gia đánh bạc tích cực. Đ dùng số tiền 3.400.000 đồng đánh bạc, P dùng số tiền 1.500.000 đồng đánh bạc. Nhân thân 02 bị cáo đều có 01 tiền sự về hành vi đánh bạc, chứa bạc (đều đã được xóa), nhưng cần đánh giá 02 bị cáo có nhân thân xấu. Cần xử phạt nghiêm đối với các bị cáo. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đều có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo Đ có thời gian tham gia trong quân đội; gia đình các bị cáo đều có đơn xin bảo lãnh được chính quyền xác nhận. Do đó, cần cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đ có thành tích xuất sắc trong công tác, được tặng thưởng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4.2] Các bị cáo N, V tham gia đánh bạc tích cực. N dùng số tiền 1.950.000 đồng đánh bạc, V dùng 500.000 đồng đánh bạc. Cần xử phạt nghiêm đối với các bị cáo. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo V đầu thú, gia đình bị cáo N có đơn xin bảo lãnh, được chính quyền xác nhận. Do đó, cần cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung:

[5.1] Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự thì bị cáo M bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền để sung vào ngân sách Nhà nước.

[5.2] Đối với các bị cáo Đ, N, P đã bị khấu trừ thu nhập; bị cáo V bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, các bị cáo Đ, N, P khai nhận có thu nhập kinh tế ổn định hàng tháng (Đ: 4.000.000 đồng; N: 3.000.000 đồng; P: 7.000.000 đồng) phù hợp với các tài liệu xác minh tại địa phương. Cần khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng của mỗi bị cáo để sung quỹ Nhà nước.

[6] Về xử lý vật chứng:

[6.1] Cần tịch thu số tiền 9.750.000 đồng của các bị cáo dùng vào đánh bạc để sung vào ngân sách Nhà nước

[6.2] 01 bộ bài tú lơ khơ, cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 38; Điều 55, khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo:

Nguyễn Văn M 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Buộc bị cáo phải chấp hành Bản án số 53/2020/HS-ST ngày 23/12/2020 của Tòa án N dân huyện V, tỉnh Nam Định là 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Tổng hợp hình phạt chung của 02 bản án, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt là 15 (mười lăm) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án. Trừ cho bị cáo 01 (một) ngày bị tạm giữ (từ ngày 07/4/2022 đến ngày 08/4/2022). Thời hạn cấm đi khỏi nơi cư trú không quá thời hạn kể từ khi tuyên án cho đến thời điểm đi chấp hành án phạt tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo:

Bùi Văn Đ 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Trừ cho bị cáo 01 (một) ngày bị tạm giữ (từ ngày 07/4/2022 đến ngày 08/4/2022) bằng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 17 (mười bảy) tháng 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 10 % thu nhập hàng tháng của bị cáo Bùi Văn Đ với thời gian 18 (mười tám) tháng, mỗi tháng bị khấu trừ 400.000<sup>d</sup> (bốn trăm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo:

+ Nguyễn Văn N 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Trừ cho bị cáo 01 (một) ngày bị tạm giữ (từ ngày 07/4/2022 đến ngày 08/4/2022) bằng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 14 (mười bốn) tháng 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 10 % thu nhập hàng tháng của bị cáo Nguyễn Văn N với thời gian 15 (mười lăm) tháng, mỗi tháng bị khấu trừ 300.000<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

+ Bùi Văn P (tên gọi khác Bùi Văn K) 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Trừ cho bị cáo 01 (một) ngày bị tạm giữ (từ ngày

07/4/2022 đến ngày 08/4/2022) bằng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 10 % thu nhập hàng tháng của bị cáo Bùi Văn P với thời gian 12 (mười hai) tháng, mỗi tháng bị khấu trừ 700.000<sup>d</sup> (bảy trăm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Thời gian cải tạo không giam giữ của các bị cáo Đ, N, P tính từ ngày UBND xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng được giao giám sát, giáo dục nhận được bản sao Bản án và Quyết định thi hành án. Giao các bị cáo cho UBND xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục.

Trong trường hợp người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự như sau: Người chấp hành án có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 30 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian chấp hành án, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó. Người chấp hành án khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của UBND cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì UBND cấp xã, đơn vị quân đội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người chấp hành án khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của UBND cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người chấp hành án vi phạm pháp luật, UBND cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho UBND cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan. Việc giải quyết trường hợp người chấp hành án thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc trong quân đội thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này. Người chấp hành án **cải tạo không giam giữ** không được xuất cảnh trong thời gian chấp hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, **Điều 35** Bộ luật Hình sự; **phạt** tiền:

Nguyễn Văn V (tên gọi khác: Nguyễn Văn P) 20.000.000<sup>d</sup> (hai mươi triệu đồng) về tội “Đánh bạc”.

- Về hình phạt bổ sung:

Căn cứ khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự: Phạt tiền bị cáo Nguyễn Văn M 10.000.000<sup>d</sup> (mười triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Về xử lý vật chứng:



Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu sung số tiền 9.750.000<sup>d</sup> (chín triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) của các bị cáo dùng vào đánh bạc để sung vào ngân sách Nhà nước (theo Ủy nhiệm chi ngày 08 tháng 6 năm 2022 tại Kho bạc Nhà nước huyện K, thành phố Hải Phòng).

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ bài **tú** lơ khơ, gồm 52 cây bài màu xanh (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06 tháng 6 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, thành phố Hải Phòng).

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000<sup>d</sup> (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào **Điều 331 và 333** Bộ luật Hình sự: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7<sup>a</sup> và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K, HP;
- Công an huyện K + PV 06 HP;
- THA phạt tù + PC 10;
- Chi cục THADS huyện + Sở Tư P;
- UBND phường H, quận Đ, HP
- UBND xã T, huyện K, HP;
- Các bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đức Hoàng**